

LUẬN PHẬT TÁNH

QUYỂN 4

PHẦN THỨ 4: BIỆN TƯỚNG (Tiếp Theo)

Phẩm thứ 9: VÔ BIẾN DỊ

Lại nữa, phải biết nghĩa vô đối khác. Chia ra có sáu nghĩa, hợp chung thì thành ba nghĩa. Phân ra có sáu nghĩa:

- a. Vô tiền mé sau đối khác.
- b. Vô nhiễm tịnh đối khác.
- c. Vô sinh đối khác.
- d. Vô chuyển đổi khác.
- e. Vô y trụ đối khác.
- f. Vô diệt đối khác.
- g. Vô tiền mé sau đối khác:

Phật nói cho Bồ-tát Hải Trí, kệ trong kinh Giải Tiết có bài kệ rằng:

*Vì khách trần tương ứng,
Có đức của tự tánh,
Như trước, sau cũng vậy,
Là tướng không đổi khác.*

Lại nữa, giải thích trong vị bất tịnh, có chín thứ khách trần, chẳng bị nhiễm ô, nên bất tịnh. Trong vị tịnh, bốn đức thường lạc ngã tịnh và công đức nhiều như số cát sông hằng của Như lai, vì hằng tương ứng nên nói tánh Như lai trước sau đều không có đổi khác. Nếu lược nói thì tất cả phiền não khách trần gồm có chín thứ: 1. Tùy miên tham dục phiền não. 2. Tùy miên sân. 3. Tùy miên si. 4. Tham sân si cực trọng thượng tâm hoặc. 5. Vô minh trụ địa. 6. Sở diệt của kiến đế. 7. Sở diệt của tu tập. 8. Bất tịnh địa. 9. Tịnh địa hoặc. Nếu phiền não ở thế gian trong chúng sanh lìa dục nối tiếp, làm nhóm nhân của nghiệp bất động tăng trưởng thì có thể sinh cõi Sắc và cõi Vô sắc, bị trí xuất thế Vô phân biệt diệt,

gọi đó là ba độc của tùy miên dục sân si..

Giải thích: Nói “phiền não tại (còn)”, có hai thứ: 1. Hữu thể nói tại. 2. Vô thể, là y Theo nhân tại nên nói tại. Thể tại tức là kiến đế, vì tùy miên chưa được trị đạo nên nói tại. Dựa theo nhân tại, tức là tư duy tùy miên, vì đã đắc trị đạo, dùng tư duy dụng và kiến đế làm nhân. Tư duy tuy diệt, nhưng do có kiến đế làm nhân tư duy nên nói nhân tại. Tư duy thì do kiến đế mà sinh, nếu trừ bỏ nhân của tư duy, thì có kiến đế hoặc căn bản tồn tại, sau đó lại có thể sinh hoặc của tư duy, nên nói tư duy nhân tại. “Nhóm nhân của nghiệp bất động tăng trưởng”, có hai thứ: 1. Tư duy có thể thành nghiệp. 2. Kiến đế có thể đắc quả. Vì sao? Vì dứt tận tư duy thì nghiệp không thành; dứt hết kiến đế thì không chiêu cảm quả, nên nói nghiệp bất động làm tăng trưởng nhóm nhân, vì có thể sinh cõi Sắc và cõi Vô sắc.

“Bị trí xuất thế Vô phân biệt diệt”, có hai thứ diệt: 1. Tánh diệt.
2. Trị đạo diệt.

1. Tánh diệt có hai thứ:

a.1) Niệm niệm diệt.

a. 2) Trái nhau diệt.

Trái nhau diệt lại có hai thứ:

Đẳng loại trái nhau, như tham trái với sân...

Bất đẳng loại trái nhau, như chánh tư duy trái với dục, sân...

gọi đó là tánh diệt.

2. Trị đạo diệt, có hai thứ:

a.1) Đạo chung.

a.2) Đạo riêng. Đạo chung, là quán chân như diệt phiền não trong ba cõi. Biệt đạo, là như quán bất tịnh... có thể diệt các phiền não tham sân... như khổ đế quán thì diệt hoặc của khổ đế, không diệt hoặc Tập đế, gọi là tùy miên dục sân si..

4. Ba độc (tham sân si) cực trọng thượng tâm hoặc: Là có các phiền não tại dục hạnh trong chúng sanh nối tiếp, là nhóm nhân của hai hạnh tội phước tăng trưởng, chỉ sinh cõi Dục, tu chỗ phá của quán bất tịnh, gọi đó là tham sân si cực trọng thượng tâm phiền não.

5. Vô minh trụ địa, là trong A-la-hán nối tiếp, là nhóm nhân của nghiệp vô lưu sinh, có thể sinh là sinh thân của ý, là chỗ phá của Bồ-đề Như lai, gọi đó là vô minh trụ địa hoặc. A-la-hán y theo quán an lập đế có thể phá trừ các phiền não, vô minh trụ địa này là chỗ có thể phá trừ quán phi an lập đế, cũng ở trong A-la-hán nối tiếp, làm nhóm nhân của nghiệp vô lưu sinh. Chữ “lưu” trong câu “nhóm nhân của nghiệp vô lưu

sinh”, có ba nghĩa: 1. Lưu nhập ba cõi sinh tử. 2. Lui sụt, như lui sụt cõi Dục mà lưu nhập cõi Sắc, hoặc mất cõi Sắc mà lưu nhập xuống cõi Dục, là tùy theo sinh tử mà không nhất định ở một chỗ nào, nên gọi là lưu. 3. Lưu thoát công đức gốc lành mà mất giới định tuệ, như bờ đê bị vỡ thì nước chảy qua. Không có ba thứ lưu này nên gọi là vô lưu. “Nghịch”, nghĩa là tác ý. Ý nghịch này có thể sinh bốn thứ sinh tử. “Bị Như lai Bồ-đề phá”, Bồ-đề Như lai là phi an lập đế quán, gọi là Bồ-đề Như lai, nhân theo đạo này mà có thể diệt hoặc này nên gọi là vô minh trụ địa.

6. Chỗ diệt của Kiến đế, có hai loại người Hữu học: 1. Phàm phu. 2. Bậc Thánh. Hoặc này tại học đạo trong phàm phu nối tiếp, từ vô thỉ đến nay chưa từng thấy lý, do bị phá ban đầu của Thánh đạo gọi là Kiến đế.

Giải thích: “Học đạo trong phàm phu nối tiếp”, là nếu Tiểu thừa thì từ Noãn, Đảnh, Nhãn, Thế pháp, bốn pháp này là học đạo phàm phu vị, Kiến đế tùy miên chưa có thể diệt nên nói “tại trong đó”. “Vô thỉ thời tiết chưa thấy”, là từ vô thỉ đến nay là điều chưa từng thấy an vui Thánh đế của đạo này nên nói “chưa hề được thấy”. “Bị Thánh đạo xuất thế đầu tiên phá”, là bắt đầu từ khổ pháp nhãn là đạo của niệm ban đầu, có thể phá phiền não gọi là Kiến đế, từ đây về sau đều thuộc tư duy. Quán bình đẳng, là có lợi có độn. Nếu người lợi căn thì trong một niệm bình đẳng quán bốn đế, tám mươi tám hoặc đồng thời đều dứt, đều gọi là Kiến đế. Nếu là người độn căn, thì đối với thứ tự mà quán, là niệm ban đầu quán khổ đế, không thấy ba đế kia, chỉ dứt khổ của bốn đế cõi dưới, gọi là Kiến đế, các pháp còn lại chưa dứt thì đều thuộc tư duy, gọi đó là “sự diệt hoặc của Kiến đế”. Nếu Đại thừa thì đó là các vị mười tám... “bậc Thánh”, là từ Sơ địa trở lên.

7. Hoặc do tu đạo diệt, là trong bậc Thánh nối tiếp học đạo, trước kia đã từng thấy sự phá trừ của Thánh đạo xuất thế, gọi đó là hoặc do tu đạo diệt.

8. Bất tịnh địa: Hoặc là ở vị hạnh rốt ráo trong Bồ-tát nối tiếp, đối với chướng Bồ-tát bảy địa bị phá đối chướng của đạo vô tướng vô công dụng.

Giải thích: Bảy địa tức là trước bảy địa trở lại. Đạo vô tướng vô công dụng, tức là tám địa trở lên. Vô tướng, tức là cảnh chân như. Vô công dụng, là đạo tự nhiên thăng tiến, gọi đó là bất tịnh địa hoặc.

9. Tịnh địa hoặc: Là tại hạnh rốt ráo trong Bồ-tát nối tiếp, có thể chướng ba địa từ tám địa trở lên, ví như bị phá trừ của Định Tuệ Kim Cương. Nói “rốt ráo”, là Bát địa trở lên thấy cảnh đều khắp, không trở

lại điều chưa thấy của các cảnh khác, nên gọi là rốt ráo, nhưng phương tiện do có cạn sâu, nên các địa có khác nhau.

Phân biệt phiền não có chín thứ này, dựa theo phiền não ấy mà lập chúng sanh có bốn thứ: 1. Phàm phu. 2. La-hán. 3. Hữu học. 4. Bồ-tát. Bốn loại chúng sanh này nói theo quả vô lậu, do bốn phiền não nên bất tịnh. Chúng sanh thứ nhất do bốn phiền não mà bất tịnh. Chúng sanh thứ hai do một phiền não mà bất tịnh. Chúng sanh thứ ba do hai phiền não mà bất tịnh. Chúng sanh thứ tư do hai phiền não mà bất tịnh. Phàm phu thứ nhất do bốn hoặc, là ba thứ trước: 1. Tùy miên tham dục phiền não. 2. Tùy miên sân. 3. Tùy miên si. Và thứ tư kể sau: 4. Ba độc cực trọng thượng tâm hoặc. 1. bốn hoặc này mà bất tịnh. 2. Do một hoặc, tức là La-hán do vô minh trụ địa mà bất tịnh. 3. Do hai hoặc, là Kiến đế tư duy, tức là bậc Thánh Hữu học và phàm phu học đạo. Phàm phu do Kiến đế phiền não mà bất tịnh, Hữu học bậc Thánh do tư duy phiền não mà bất tịnh, đó là do hai hoặc. 4. Do hai hoặc, là tịnh và bất tịnh, tức là từ Sơ địa trở lên đến Bồ-tát bảy địa, do bất tịnh địa hoặc mà bất tịnh. Nếu từ tám địa trở lên ba địa sau do tịnh địa hoặc mà bất tịnh thì gọi là do hai hoặc mà nói bất tịnh.

Lại nữa, vì hiện chín thứ phiền não mà lập chín thí dụ:

1. Vì hiển phiền não tham dục mà lập hoa sen hóa Phật làm thí dụ. Thí dụ như hoa sen khi mới nở thì rất đáng yêu thích, nhưng sau khi héo úa, người ta chán ghét nó. Tham dục cũng vậy, ban đầu thì dựa vào trần mà thành, sau đó dựa vào trần mà hoại, nên dùng hoa để dụ cho tham, nhưng khi hoa hoại rồi thì hóa Phật ra đời, như tham che lấp Pháp thân.

2. Vì Sân phiền não nên lấy con ong làm thí dụ. Ví như con ong, bị người khác chạm vào thì có chích nọc độc vào người. Sân cũng vậy, nếu tâm khởi sân thì liền có thể tự hại, cũng có thể hại người, nhưng có mật ngọt, tức là thí dụ Pháp thân bị sân che lấp.

3. Vì vô minh hoặc mà lập thức ăn trong hạt thóc làm thí dụ. Thí dụ như hạt gạo trắng bị vỏ trấu che lấp, không thọ dụng được. Pháp thân cũng vậy, bị vô minh che lấp nên không được hiển hiện.

4. Vì ba thứ phiền não của thượng tâm mà lập vàng rơi vào chỗ bất tịnh làm thí dụ. Thí dụ như vàng báu tinh sạch, bị phần uế bôi lên, trái với lòng người. Người lìa dục cũng giống như vậy, vì thượng tâm phiền não trái nghịch ý người, nên nói thí dụ này. Pháp thân xưa nay vốn thanh tịnh, nhưng bị thượng tâm hoặc che lấp, nên nói bất tịnh.

5. Vì hiển vô minh trụ địa nên lập ví dụ cô gái nghèo được kho

báu. Thí dụ như trong nhà của cô gái nghèo, dưới đất có cất giấu vàng báu, bị đất che lấp nên bị nghèo cùng khổ. Hai thừa cũng vậy, bị vô minh che lấp không thấy quả Phật, nên chịu bốn thứ sinh tử khổ.

6. Vì hiển bài Kiến đế hoặc nên lập hạt của Yêm-la làm thí dụ. Thí dụ như hạt yêm-la khi nảy mầm, vỏ hạt nứt ra thì mầm mới mọc được, vỏ hạt dụ cho Kiến đế, mầm dụ cho Pháp thân. Kiến đế cũng vậy, ban đầu là thấy chân lý, rồi sau mới phá hoặc nảy, Pháp thân được hiển hiện.

7. Vì hiển tư duy hoặc nên lập thí dụ vàng báu trong bao rách. Dụ như chiếc áo rách không còn mặc được, thân kiến chân thật từ trước đến nay đã bị phá, vì Thánh đạo đối trị niệm niệm huân tập. Thế lực của phiền não không còn, là dụ cho chiếc áo rách kia, vàng báu là dụ cho Pháp thân bị tư hoặc ngăn che.

8. Vì hiển Hoặc bất tịnh địa nên lập thí dụ cô gái nghèo mang thai vương tử. Thí dụ như con của chuyển luân trong thai cô gái nghèo, thai không thể ô uế. Bấy địa trở xuống, phiền não cũng vậy, tuy gọi là phiền não, nhưng có ba đức: 1. Là sự hàm dưỡng của trí tuệ từ bi không nhiễm trước. 2. Không có lỗi vì không tổn hại tự tha. 3. Vô lượng công đức có thể thành thực pháp Phật và chúng sanh. Nếu nuôi dưỡng phiền não thì liền thành phàm phu, nếu dứt phiền não thì liền thành Nhị thừa, không thể thành thực chúng sanh.

9. Vì hiển tịnh địa Hoặc nên lập thí dụ tượng vàng trong khuôn. Thí dụ như đúc tượng vàng, khi chưa mở khuôn ra thì tượng đã thành thực, các vật như nước... không thể phá, chỉ có búa rìu... mới có thể phá. Hoặc của tám địa trở lên cũng vậy, chỉ có tâm kim cương mới có thể phá rớt ráo. Nhân theo ba thứ tự tánh để hiển tâm thanh tịnh giới, gọi là Như lai tạng, nên nói thí dụ về chín thứ như hoa sen... Ba thứ tự tánh: 1. Pháp thân. 2. Như như. 3. Phật tánh. Hợp chung với chín thí dụ này làm ba phần, ba thí dụ đầu thuộc Pháp thân, một thí dụ kế thuộc như như, năm thí dụ sau thuộc Phật tánh.

Hỏi: Thế nào như ở đây nói?

Đáp: Pháp thân Chư Phật có hai thứ: 1. Chánh đắc. 2. Chánh thuyết. Nói:

“1. Pháp thân chánh đắc”, thì pháp giới tối thanh tịnh là trí cảnh Vô phân biệt, đương thể của Chư Phật là pháp tự sở đắc của chư Phật.

“2. Pháp thân chánh thuyết”, là đắc Pháp thân trong pháp giới thanh tịnh chánh lưu từ như sự hóa độ chúng sanh, thức sinh, gọi là Pháp thân chánh thuyết.

Pháp thân chánh thân có hai thứ: 1. Sâu xa. 2. Thô thiển. Để an lập hai đạo lý này:

1. Sâu xa, là vì an lập đạo lý Đại thừa.
2. Thô thiển, là vì người hai thừa mà nói đạo lý này.

Lại nữa, đệ Nhất nghĩa để vì an lập pháp tạng sâu xa của Bồ-tát, y theo đế chân tục mà an lập các thứ pháp tạng như nhị thừa mười hai bộ...

Giải thích: “1. Chánh đặc Pháp thân”: Thế là chân như, thế gian không có vật nào để làm thí dụ, nên lại lấy Phật tượng trong hoa làm thí dụ. “2. Chánh thuyết sâu xa Pháp thân”, vì chân như một vị, nên lấy mặt ong làm thí dụ. “3. Thô thiển chánh thuyết Pháp thân”, vì hiển bày các thứ nghĩa vị của chân tục, nên lấy hạt gạo trong vỏ trấu làm thí dụ, do ba dụ này mà hiển Pháp thân chánh đặc và Pháp thân chánh thuyết. Ba Pháp thân đó đầy khắp gồm nhiếp tầng không sót tất cả thế giới chúng sanh, nên trong kinh nói: “Không có chúng sanh nào ra ngoài Pháp thân Như lai, cũng như không có một sắc nào ra ngoài hư không”.

Lại nữa, một thí dụ vàng bị rơi xuống chỗ bất tịnh, là thí dụ cho như như. Như như có ba nghĩa, nên lấy vàng làm dụ: 1. Tánh vô đối khác. 2. Công đức vô cùng. 3. Thanh tịnh không hai. Tự tánh cũng như, không đối khác, công đức cũng như, vì không có thêm bớt, thanh tịnh cũng như, không có nhiễm ô. Nên nói như như là chân như, như trong tất cả chúng sanh nhóm tà định và Nhất-xiển-đề vốn không sai khác, hoặc đến sau khi khách trần bị diệt thì gọi tên là Như lai tạng, nên nói tất cả chúng sanh là Như lai tạng, có thể tạng chứa Như lai chưa được hiển hiện. Để hiển bày thanh tịnh không hai ấy, nên Phật nói kinh này: “Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật đã xuất ly ngã thủ căn bản. Do tự tánh thanh tịnh này, lẽ ra tất cả chúng sanh thanh tịnh, vì tự tánh thanh tịnh đó cùng với chúng sanh thanh tịnh không hai”. Để hiển chân như này nên Phật nói thí dụ vàng sau năm thí dụ Phật tánh. Phật tánh có hai thứ: 1. Trụ tự tánh. 2. Dẫn xuất tánh. Ba thân Chư Phật, nhân theo hai tánh này mà được thành tựu. Để hiển tánh trụ tự tánh, nên nói thí dụ vàng giấu trong đất.

1. Phật tánh trụ tự tánh này có sáu đức nên thí dụ như kho báu:

a. Rất khó được: Phật tánh cũng vậy, đối với vô số hoàn cảnh khởi tâm chánh cần, nhân theo phước đức trí tuệ trang nghiêm đầy đủ thì mới hiển hiện, do nhân lành mới chiêu cảm.

b. Thanh tịnh vô cấu: Do Phật tánh và phiền não không nhiễm nhau, nên dụ cho ngọc báu như ý, không bị bất tịnh làm ô uế.

c. Oai thần vô cùng: là nói các công đức như sáu thần thông v.v... được tròn đầy. Ngọc báu như ý cũng vậy, tùy ý có thể thành tựu nên nói thí dụ kho báu.

d. Có thể trang nghiêm công đức gốc lành của tất cả thế gian, đối với tất cả xứ tương xứng. Ngọc báu như ý cũng vậy, có thể làm các thứ dụng cụ trang nghiêm thế gian.

e. Tối thắng: Là trong tất cả pháp không có pháp nào bằng, cũng ngọc báu như ý, quý giá trong các vật nên nói kho báu làm thí dụ.

f. Trong tám thứ thế pháp không có đổi khác, vì mười thứ nhân thường trụ. Chân bảo cũng vậy, tuy thiêu đốt, đập, mài nhưng không thể thay đổi tự tánh của nó, nên lấy kho báu để dụ cho Phật tánh trụ tự tánh.

2. Dẫn xuất Phật tánh: Là từ mới phát tâm đến tâm Kim Cương, trong đó Phật tánh gọi là dẫn xuất. Nói “dẫn xuất”, gồm có năm vị: 1. Có thể ra khỏi vị Nhất-xiển-đề. 2. Có thể ra khỏi vị ngoại đạo. 3. Có thể ra khỏi vị Thanh văn. 4. Có thể ra khỏi vị Độc giác. 5. Có thể ra khỏi vị vô minh trụ địa của Bồ-tát. Pháp thân có thể phá trừ phiền não, thì công năng của nó hiển hiện. Trong thí dụ thứ sáu nói mầm của cây yêm-la để làm thí dụ, như mầm của cây đó có thể phá vỡ da thịt của hạt yêm-la để được nảy mầm thành đại thọ vương.

Nói Phật tánh dẫn xuất cũng như mầm cây yêm-la có thể sinh làm đại thọ vương, vì y theo hai nhân này mà Phật nói quả của ba thân:

1. Nhân theo Phật tánh trụ tự tánh nên nói Pháp thân. Pháp thân có bốn thứ công đức, nên thí dụ thứ bảy nói vàng ròng trong bao vải rách. Bốn công đức: 1. Tự tánh hữu: Như vàng là vốn có, không phải sự tạo tác mà có. 2. Thanh tịnh: Như vàng vốn tinh sạch, bụi nhơ không thể nhiễm ô. 3. Làm chỗ nương của tất cả công đức: Như vàng khéo chiêu cảm các thứ vật quý. 4. Chỗ đạt bình đẳng: Là tất cả chúng sanh đều đồng phải đắc, như vàng không có chủ đích thật, mà nhiều người cùng có chung. Tùy theo công lực của người tu thì liền được, nên nói Pháp thân cũng như vàng ròng.

2. Nhân theo Phật tánh dẫn xuất mà nói ứng thân. Ứng thân có bốn công đức, nên trong thí dụ thứ tám như người nữ bần tiện có mang thai chuyển luân vương. Bốn công đức là: 1. Y chỉ: (nương dựa) là ba mươi bảy phẩm trợ đạo là chỗ nương. 2. Chánh sinh, là muốn đắc thì được đắc, tức là vị tri dục tri căn. 3. Chánh trụ: Là chánh đắc, tức là tri căn. 4. Chánh thọ dụng: Tức là tri dĩ căn. Hợp chung bốn nghĩa này, gọi là ứng thân. Như con của vua chuyển luân trong thai cũng có bốn nghĩa:

1. Lấy nghiệp đời trước làm chỗ nương. 2. Chưa đắc ngôi vua thì muốn đắc như mới sinh. 3. Chánh đắc ngôi vua thì như trụ. 4. Đã đắc rồi thì không mất như thọ dụng. Cho nên ứng thân lấy vua chuyển trong thai làm thí dụ.

3. Nhân theo Phật tánh dẫn xuất: Lại nêu ra hóa thân. Hóa thân có ba việc: 1. Hữu tướng, như trăng đáy nước, lấy ảnh tượng làm thể. 2. Do công lực, vì là sự tạo tác của nguyện đời trước. 3. Hữu thể hữu chung, nên trong thí dụ thứ chín lấy tượng Phật trong khuôn làm thí dụ.

Giải thích: ba nghĩa: 1. Hữu tướng mạo, ví như bóng trăng, chỉ tướng tự mà không chân thật. Hóa thân cũng vậy, vì không phải thật thể. 2. Do nhân công tạo tác, là thí dụ sự khởi nguyện đời trước của hóa thân. 3. Nói hữu thể hữu chung, là thân biến hóa tùy duyên biến hóa nên có thể hữu thể hữu chung. Lại nữa, lấy ba nghĩa này để hiển ba thân, nghĩa thứ nhất sâu xa, để hiển bày đối với Pháp thân. Sâu xa là thể nhỏ nhiệm, nên Pháp thân này đầy đủ năm tướng và năm công đức.

Năm tướng là:

1. Tướng vô vi: Là lìa bốn tướng tội lỗi sinh già bệnh chết.

2. Tướng vô một khác: Là Chân đế và Tục đế không phải một không phải khác. Tướng này lại có hai thứ: a. Y theo pháp mà luận nói. b. Y theo người mà luận nói:

“Theo pháp mà luận biện là không phải một không phải khác”, vì chân là chung, không thể nói khác, vì tục là riêng, không thể nói nhất, như con ốc màu trắng, thì con ốc đó cùng với màu trắng không phải một không phải hai, nếu nói là khác, thì khi thấy (kiến thủ) ốc màu trắng thì lẽ ra không được biết con ốc, nếu nói là một, thì đáng lẽ không có hương vị xúc khác nhau, chỉ có màu trắng đó mà thôi.

“Y theo người mà luận nói chân tục không phải một không phải khác”, nếu chân và tục là một thì người phàm thấy tục lẽ ra ra có cả chân, nếu thông với chân thì đáng lẽ là bậc Thánh, nhưng vì không thấy chân nên biết không phải một. Nếu nói khác, thì bậc Thánh thấy tục đáng lẽ không thông với chân, nếu thông với chân thì tức là phàm phu, vì bậc Thánh thấy nên không được là khác. Do đó không phải một không phải khác.

3. Tướng lìa hai bên: Vì có sáu thứ trung đạo có thể lìa sáu thứ hai bên. Sáu thứ là: 1. Chấp khả diệt diệt. 2. Chấp khả úy úy. 3. Chấp khả chấp chấp. 4. Chấp chánh và tà. 5. Chấp hữu tác vô tác. 6. Chấp bất sinh đồng sinh.

1. Chấp khả diệt diệt. Có người cho rằng: “Tất cả pháp rốt ráo có

thể diệt”, gọi đó là một bên, “rốt ráo diệt hết, gọi đó là không”, lại là một bên nữa, nhân theo chấp riêng của hai bên này mà sinh kinh sợ, để lìa hai bên thiên chấp này mà Phật nói các pháp bất hữu, không thể diệt được, nhưng chẳng phải không có nên chẳng phải không diệt, phi diệt phi bất diệt gọi đó là Trung đạo, nên Phật lập hư không làm thí dụ, trong kinh bảo đánh chép: “Này Ca-diếp! Ví như có người kinh sợ hư không, vỗ ngực kêu gào, nói như vậy: “Này bạn lành! Hãy vì tôi mà trừ diệt hư không này! Trừ diệt hư không này! Này Ca-diếp, ý thầy thế nào? Hư không này có thể trừ được hay không? Ca-diếp thưa: Bạch Đức Thế tôn, không thể được. Phật nói: Này Ca-diếp, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn sợ tánh không như vậy, ta nói người đó cuồng loạn mất tâm. Vì sao? Này Ca-diếp, tất cả các pháp đều là không phương tiện, nếu kinh sợ không này thì làm sao không sợ tất cả pháp! Nếu không yêu tiếc tất cả pháp thì làm sao yêu tiếc không này”?!

Hỏi: Kinh này nói về nghĩa gì?

Đáp: Là nói về bản tánh phi hữu của tất cả pháp, nên nói pháp không chẳng liên quan đến pháp diệt rồi mới được không, nên đối với tánh không chẳng nên sinh kinh sợ, gọi đó là ly khả diệt diệt.

2. *Chấp khả úy úy*: hai bên nói lên phi năng diệt sở diệt trung đạo. Hai bên, là lấy tánh Phân biệt đã khởi sáu trần sắc, thanh... chấp làm thật khổ, đó là một bên, sinh tâm kinh sợ lại là một bên nữa. Đây là nhân theo tánh Y tha chấp tánh Phân biệt, trong đó kế chấp có thật khổ mà sinh kinh sợ. Vì lìa hai bên thiên chấp này muốn hiển Trung đạo, Phật đem họa sĩ làm thí dụ: “Này Ca-diếp! Ví như họa sĩ vẽ tượng la-sát, tượng rất đáng sợ, họa sĩ thấy tượng tự sinh kinh sợ, che mặt không dám nhìn, điên cuồng mất tâm. Này Ca-diếp ! Như vậy phạm phu do tự tạo tác các trần như sắc thanh... lưu chuyển sinh tử, đối với pháp như vậy không thể thông đạt lý như thật”.

Hỏi: Thí dụ này để nói lên nghĩa gì?

Đáp: Để nói về các trần như sắc thanh... chẳng phải thật có, chỉ do vọng tưởng phân biệt, cũng như họa sĩ kia, tự nhìn tượng la-sát hung ác lại sinh kinh sợ. Người kia cũng vậy, từ trong không mà sinh kinh sợ.

Giải thích: Thí dụ thứ nhất là nói theo Thanh văn tiểu thừa, thí dụ thứ hai (họa sư) này là nói theo Đại thừa, thế nào là như những thí dụ này?

Đáp: Vì người Tiểu thừa trong chân như không tu tập quen nên sinh kinh sợ, người Đại thừa thì có thể thường tu tập không, nên không kinh sợ, như sư tử con, nghe tiếng sư tử rống thì không sinh kinh sợ. Nếu

không hiểu rõ tánh Phân biệt và tánh Y tha thì chấp làm thật có, do đó bị nhiễm ô.

3. *Khả Chấp chấp chấp hai bên.* Phân biệt có thể chấp và năng chấp cho là thật có, để lìa hai bên này, trong kinh Phật lấy nhà ảo thuật làm thí dụ: “Này Ca-diếp! Ví như nhà ảo thuật làm các trò huyền, có khi làm hổ trở lại ăn thịt nhà ảo thuật. Này Ca-diếp ! cũng vậy Tỳ-kheo quán hạnh tùy quán một cảnh chỉ hiển hiện hư không, thật ra không có gì cả hư không chẳng chân thật, làm sao có thể lìa được hai bên này? Do dựa vào ý thức mà sinh trí duy thức. Trí duy thức, tức là vô trần thể trí, nếu trí duy thức đó thành tựu thì có thể trở lại diệt ý thức trước kia của chính mình. Vì sao? Vì trần không có tự thể nên ý thức không sinh, ý thức không sinh nên duy thức tự diệt. Ý thức như nhà ảo thuật, trí duy thức như cọp huyền, vì ý thức có thể sinh Duy thức, nên Duy thức quán thành thì trở lại diệt ý thức. Vì sao ? Do các trần như sắc... Không thật có, nên ý thức không sinh, ví như cọp huyền trở lại ăn thịt nhà ảo thuật. Như pháp sư Đề-bà nói kệ:

*Ý thức gốc ba hữu,
Các trần chính là nhân,
Nếu thấy trần vô thể,
Có chủng tự nhiên diệt.*

4. “*Chấp hai bên chánh, tà*”: Chánh là quán hạnh chân thật phân biệt trong vị thông đạt là chánh, khi chưa thông đạt trở xuống thì phân biệt làm tà. Để lìa hai bên này, lấy hai que gỗ làm cho sinh lửa để thí dụ, như trong kinh nói: “Này Ca-diếp! Ví như hai thanh gỗ cọ xát vào nhau liền có thể sinh lửa, khi lửa sinh thì đốt cháy hai thanh gỗ, như vậy chánh tướng quán hạnh chân thật cùng với tà tướng trị sinh căn Thánh trí, nếu căn Thánh trí thì trở lại trừ tà phân biệt và chánh phân biệt, ví như lửa sinh thì trở lại đốt cháy hai que gỗ, nếu hai que gỗ cháy hết thì lửa không có chỗ nương, tà chánh không hai nên nói Trung đạo.

5. “*Chấp hai bên hữu tác, vô tác*”: hữu tác, có người chấp: “Muốn tu trí tuệ thì trước phải khởi ý, sau đó thì sự thành”. Vô tác, có người chấp: “Trí tuệ thì vô sự vô năng. Vì sao? Do giải (hiểu) và hoặc đối nhau từ giải mà sinh nên hoặc tự nhiên diệt, không phải giải có thể trừ được, nên nói trí tuệ vô sự vô năng”. Để trừ hai chấp này nên lập đầu và đèn làm thí dụ. Như trong kinh nói: “Này Ca-diếp! Ví như đốt đèn, ánh sáng của đèn đã sáng lên thì bóng tối mới được xua tan, nên đèn sáng tuy không có tác ý, nhưng không có vô sự vô năng. Trí tuệ cũng vậy, không khởi ý là ta có thể dứt hoặc, nhưng cũng chẳng phải không

do trí tuệ sinh mà hoặc được trừ diệt, nên biết trí tuệ không phải vô sự vô năng. Nếu nói tác ý thì ta có thể diệt hoặc, gọi đó là tăng ích, tức là bên hữu tác ; nếu nói khi trí tuệ khởi thì vô minh tự diệt không do trí tuệ, gọi đó là tổn giảm, tức là vô tác . Để trừ hai bên này, nên nói trí tuệ sinh bất tác ý. Tác ý và bất tác ý không phải tác nên không thêm, không phải bất tác nên không bớt, gọi đó là Trung đạo.

6.. *Chấp bất sinh đồng sinh hai bên:*

a. Chấp bất sinh, ví như phàm phu trong nối tiếp, phiền não hằng khởi không hề sinh đạo, do hoặc chướng ngại, vị lai cũng vậy, nên biết không bao giờ giải thoát, là một bên.

b. Đồng sinh, nói về các hoặc từ thời vô thủy lâu dài vốn có, nếu đối trị đạo và hoặc đồng thời khởi thì có thể diệt hoặc, nếu đạo mới sinh, thì đạo lực này yếu, không thể diệt hoặc, nên biết không bao giờ giải thoát.

Để lìa hai bên này, nên Phật nói cái đèn thứ hai làm thí dụ: “Này Ca-diếp! Như hang núi cao hiểm tối hoặc miếu, đèn, phòng ốc... tối tăm vô số nghìn năm không hề có người đốt đèn soi rõ. Nếu có người có thể trong đó đốt đèn thì được thành hay không? Ca-diếp đáp: Được thành. Phật nói: Này Ca-diếp! Bóng tối trong đó nghĩ: Ta ở đây đã lâu, bây giờ ta không đi! Bóng tối đó có thể nghĩ như vậy không? Ca-diếp đáp: Bạch Thế tôn! Không thể. Vì sao? Vì ánh sáng của đèn đã thành, thì bóng tối nhất định phải đi. Phật nói: Này Ca-diếp! Cũng vậy phiền não và nghiệp từ vô số kiếp đến nay trong chúng sanh nối tiếp, nếu chúng sanh nào sinh một niệm chánh tư duy, thì phiền não lâu đời đều tự trừ diệt. Này Ca-diếp! Ánh sáng của đèn đó, thí dụ cho trí Vô phân biệt của Thánh; tối tăm kia dụ cho nghiệp phiền não của chúng sanh. Do thí dụ đèn này mà phá chấp đạo bất sinh. Vì sao? Vì đạo nói theo nhân duyên mà sinh, nếu nhân duyên chưa hợp thì đạo không được sinh, nếu nhân duyên đầy đủ thì đạo liền sinh, như sau khi đốt đèn thì bóng tối mới diệt. Dụ ám diệt, là phá chấp đồng sinh, vì phần tối suy yếu nên có thể diệt, là cảnh giới không có điên đảo, vì bạch tịnh rất mạnh, có cảnh chân thật, không có điên đảo, gọi đó là sáu thứ hai bên, để hiển sáu thứ Trung đạo.

4. Tướng Ly chướng: Chướng có ba thứ: 1. Chướng Phiền não: Có thể lìa chướng này thì đắc A-la-hán tuệ giải thoát. 2. Chướng Thiền định: Là do lìa chướng này mà đắc A-la-hán câu giải thoát và Độc giác... 3. Chướng Nhất thiết, là điều mà Bồ-tát đạo phá, lìa chướng này thì đắc thành chánh giác. Pháp thân Như lai trong ba vị, tuy có ba chướng nhưng

không phải sự nhiễm ô.

5. Pháp thân giới thanh tịnh tướng, gồm có bốn thí dụ, mỗi thí dụ có bốn nghĩa.

Bốn nghĩa thứ nhất là: 1. Pháp thân không biến đổi như vàng báu. 2. Như như thanh tịnh như nước. 3. Đệ Nhất nghĩa đế vô tướng như hư không. 4. Đại Bát-nhã hiển rõ gồm nhiếp giác ngộ.

Bốn nghĩa thứ hai là: 1. Thân thông chuyển biến như vàng báu. 2. Từ bi thấu nhuần như nước. 3. Tự tánh không bỏ chúng sanh như hư không. 4. Bát-nhã giải tịnh như giác.

Bốn nghĩa thứ ba là: 1. Nhân vốn thanh tịnh không nhiễm như vàng. 2. Thắng đạo tẩy sạch như nước. 3. Giải thoát không phiền lụy như hư không. 4. Quả thể hiển hiện như giác.

Bốn nghĩa thứ tư là: 1. Lạc tánh lợi ích như vàng. 2. Tịnh thể thanh khiết như nước. 3. Thường đức không hoại như hư không. 4. Nghĩa Ngã không vướng mắc như giác.

Hỏi: năm tướng này mỗi mỗi đều hiển nghĩa gì?

Đáp: Thứ nhất là tướng vô vi, hiển nghĩa chủng loại. Vì sao? Vì Pháp thân Như lai lấy vô vi làm chủng loại tướng. Thứ hai là vô biệt dị, hiển nghĩa tướng, phải biết là nói tướng Như lai, không phải một, không phải hai làm tướng. Thứ ba là tướng lia hai bên, hiển nghĩa bàn chân và lưng bàn chân. Tức tức là tất cả Thánh đạo của Bồ-tát. Phu là chỗ nương của Thánh đạo để xa lia hai bên, lý có thể nói theo Trung đạo mà được đến Pháp thân. Thứ tư là tướng lia tất cả chướng, hiển Pháp thân công đức không có các nhiễm ô, trí chướng độ thoát hẳn. Thứ năm là tướng Pháp thân thanh tịnh, nói lên quả Pháp thân vô cấu uế trong lặng.

Lại nữa, phải biết nghĩa thứ tự của năm tướng: Thứ nhất tướng vô vi, hiển thường trụ. Thứ hai tướng vô biệt dị, hiển nghĩa chân thật. Thứ ba tướng lia hai bên, hiển nghĩa đối trị. Thứ tư tướng ly nhất thiết chướng, hiển nghĩa giải thoát. Thứ năm pháp giới thanh tịnh, hiển nghĩa tự tánh thanh tịnh. Như vậy tướng sinh cũng được từ trước hướng đến sau, từ sau hướng đến trước.

Lại nữa, năm nghĩa thứ tự: 1. Tự tánh nên nói vô vi. 2. Vô phân biệt nên nói không phải một, không phải khác. 3. Cảnh giới Thánh trí nên nói lia hai bên. 4. Tự tánh thanh tịnh nên nói lia tất cả chướng. 5. Rốt ráo thành tựu nên nói pháp giới thanh tịnh. Gọi đó là năm tướng.

Lại nữa, 5 đức: 1. Bất khả lượng. 2. Bất khả số. 3. Không thể nghĩ. 4. Vô dữ đẳng. 5. Thanh tịnh rốt ráo.

1. Bất khả lượng: Có bốn nghĩa: 1. Do thời tiết lâu xa nên bất

khả lượng. 2. Công dụng lớn nên bất khả lượng. 3. Không dư không đủ nên bất khả lượng. 4. Không có trung gian nên bất khả lượng. Như trong kinh nói: “Phật hỏi Xá-lợi-phất: Ông có thể như lượng mà thông đạt công đức của Như lai hay không? Xá-lợi-phất nói: Bạch Thế tôn! Không thể. Phật lại hỏi: Ông làm sao tin được công đức của Như lai? Xá-lợi-phất nói: Hay con hiện tại nói theo Thanh văn (nghe âm thanh) mà có thể quán thấy giới công đức... của Như lai, chẳng có chỗ nào mà không sinh ít có. Ví như có người đi đến vườn hoa của chư thiên, giữa đường chợt thấy cây báu trang nghiêm mà sinh tâm ít có, con nay cũng vậy. Bạch Đức Thế tôn! Ví như có người ở bên ngoài thành lớn, thấy ai nấy ra vào đều đáng yêu mến, bèn nghĩ rằng: Người trong thành đều đáng yêu mến! Con cũng vậy, vì nói theo Thanh văn nên có thể quán thấy giới công đức... của Như lai, chẳng có gì mà không phải là ít có, dùng tín biết”.

2. Bất khả số: Là không thể nghĩ bàn công đức là một hay là nhiều, số đó vô cùng, còn hơn số cát sông Hằng, như trong kinh Mã Tiên Hành có kệ rằng:

*Hoặc người có ngàn đầu,
Mỗi đầu có trăm miệng,
Mỗi miệng có trăm lưỡi,
Mỗi lưỡi trăm tiếng nói.
Một phần của mười lực,
Cùng kiếp nói không hết.*

3. Không thể nghĩ: Là cảnh giới phi giác quán.

4. Vô dữ đẳng: Là không chung với ba thừa - Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát.

5. Thanh tịnh rốt ráo: Là vô minh trụ địa bị diệt không sót. Đó gọi là năm đức của Pháp thân.

Lại nữa, ứng thân, uy lực ứng dụng rộng lớn, thân này vốn có ba đức:

1. Đại Bát-nhã. 2. Đại thiên định. 3. Đại từ bi.

1. Đại Bát-nhã: Thánh trí Vô phân biệt là thể tướng.

2. Đại thiên định: Vô tác Ý là thể tướng của nó, vì đã lìa ý xuất nhập.

3. Đại từ bi: Là có thể nhỏ trừ, có thể cứu giúp là thể tướng, như ý của chúng sanh mà khiến cho được tròn đầy. Cho nên phải có ba pháp này: 1. Làm pháp lạc. 2. Làm đại thông. 3. Làm bạt tế. Do đó đại bi làm bạt tế ba đường ác khổ, đặt trời người vào đại định, có thể hiển sáu thông khiến chúng sanh tin ưa. Bát-nhã làm thọ pháp lạc, có thể thành

thực giải thoát. Đó gọi là ứng thân.

Lại nữa, hóa thân, có ba đại pháp: 1. Đại bi làm gốc. 2. Thiền định làm biến hiện. 3. Bát-nhã có thể khiến cho có năm công năng:

- a. Khiến sinh chán sợ.
- b. Khiến nhập Thánh đạo.
- c. Khiến xả chấp cũ.
- d. Khiến tin ưa đại pháp.
- e. Khiến thọ ký đại Bồ-đề.

Ba đại pháp này trong nhân địa huân tu như như, an lập bản nguyện, do bản nguyện này sau khi đến đạo thì thuận theo ba thân, có thể làm các việc lợi ích cho chúng sanh, nên xuất hiện trong đời năm trước. Có mười bốn việc: 1. Hiện sự bản sanh. 2. Hiện sinh cõi trời đầu-suất. 3. Từ cõi trời xuống ở trong trung ấm. 4. Nhập thai. 5. Xuất thai. 6. Học kỹ năng. 7. Hiện đồng tử dạo chơi. 8. Xuất gia. 9. Khổ hạnh. 10. Đến dưới cội Bồ-đề. 11. Phá quân ma. 12. Thành Phật. 13. Xoay bánh xe pháp. 14. Nhập Niết-bàn. Mười bốn việc này thị hiện trong đời năm trước, kiếp sống của chúng sanh hết thì mười bốn việc này làm năm nhân duyên:

1. Vì nói vô thường, khổ, vô ngã, không, Niết-bàn vắng lặng. Do âm thanh của chánh thuyết này có thể khiến cho chúng sanh trong ba cõi sinh kinh sợ.

2. Đã sinh kinh sợ rồi, khiến cho nhập Thánh đạo Nhị thừa.

3. Nhập Thánh đạo Nhị thừa rồi, liền sinh tâm rất ráo Niết-bàn, vì phá các tâm tăng thượng mạn này nên nói giáo pháp chân thật của pháp Đại thừa Pháp Hoa khiến các chúng sanh xả bỏ điều chấp cũ, mà nhiếp lấy phương tiện từ bi Bát-nhã.

4. Đã nhiếp lấy rồi, thì ở trong vô thượng thừa mà thuận thực.

5. Đã thuận thực rồi, thì liền thọ ký đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đó gọi là hóa thân sự.

Lại nữa, nói theo ba thân này, tùy mỗi thân đều có một đức. Pháp thân thì nhỏ nhiệm nên sâu xa là đức. Ứng thân oai thần đầy đủ tức nên quảng đại là đức. Hóa thân có thể cứu giúp chúng sanh phạm phu... nên hòa thiện là đức.

Lại nữa, ba thân này thường có thể sinh khởi các sự lợi ích của thế gian nên nói là thường trụ. Thường trụ nói theo mười nhân duyên:

1. Nhân duyên vô biên. 2. Thế giới Chúng sanh vô biên. 3. Đại bi vô biên. 4. Như ý tức vô biên. 5. Trí Vô phân biệt vô biên. 6. Thường ở trong thiền định không tán loạn. 7. An vui mát mẻ. 8. Thực hành tám

pháp thế gian mà không nhiễm. 9. Cam-lộ vắng lặng xa lìa tử ma. 10. Bản tánh pháp nhiên, vô sinh vô diệt.

1. Nhân duyên vô biên nên thường: Từ vô lượng kiếp đến nay, xả bỏ thân mạng và tài sản là để gồm nhiếp chánh pháp, chánh pháp đã vô biên tế, vô cùng, vô tận, lại do nhân vô cùng mà chiêu cảm quả vô cùng. Quả tức là ba thân nên được là thường.

2. Thế giới Chúng sanh vô biên nên thường: Là khi mới phát tâm, kết bốn hồng thệ nguyện, khởi mười đại nguyện vô tận: Nếu Chúng sanh không thể tận, thì nguyện của tôi vô tận; chúng sanh nếu có thể tận, thì nguyện của tôi mới tận. Nhưng chúng sanh đã chính là là vô tận, nên hóa thân phải thường ở thế gian, để giáo hóa dẫn dắt chúng sanh vô tận này.

3. Đại bi vô biên nên thường: nếu các Bồ-tát phần hữu đại bi, thì còn có thể thường cứu độ chúng sanh, tâm không giới hạn, trụ lâu trong sinh tử, không nhập Niết-bàn, hưởng gì các đức tròn đầy của Như lai, thường ở đại bi cứu giúp, hằng ban ân tuệ, thì lẽ nào có bờ mé! Cho nên nói là thường.

4. Tứ Như ý vô biên nên thường: Là người thế gian có đắc bốn Thần túc cũng còn có thể trụ thọ mạng bốn mươi tiểu kiếp, hưởng gì Như lai là đại thần túc sư mà lại không thể trụ thọ mạng ức trăm ngàn kiếp để rộng hóa độ chúng sanh! Cho nên nói là thường.

5. Trí tuệ Vô phân biệt vô biên nên thường: Là xa lìa hai chấp sinh tử và Niết-bàn, hoàn toàn tương ứng với đệ Nhất nghĩa đế, bất động bất xuất nên biết là thường.

6. Thường ở trong thiền định nên thường: Là thế gian có người đắc thiền định, cũng còn có thể không bị nước lửa đốt cháy nhận chìm, đao kiếm không gây thương tích, hưởng gì Như lai thường ở trong thiền định mà có thể hoại hay sao! Cho nên gọi là thường.

7. An vui mát mẻ nên thường: an vui tức là tâm kim cương, có thể trừ niệm vô thường khổ sau rốt của vô minh trụ địa, vì không có khổ nên gọi là an vui, quả Phật hiển thành nên gọi là mát mẻ là đạo giải thoát nên gọi là thường.

8. Thực hành tám pháp của thế gian mà không nhiễm nên thường: Là thân Phật tuy là ở trước đạo, tương ứng sinh tử mà không bị phiền não kia nhiễm ô, vì không có duyên vọng tưởng, nên là thường trụ.

9. Cam-lộ vắng lặng xa lìa tử ma nên thường: Cam-lộ có thể khiến cho người sống lâu, tiên không chết, tâm kim cương có thể trừ niệm chiêu cảm sau rốt của vô minh mà đắc quả Phật thường lạc, vì

thường lạc nên vắng lặng, vì vắng lặng nên xa lìa tử ma, vì xa lìa tử ma nên là pháp thường trụ.

10. Bản tánh pháp nhiên vô sinh vô diệt nên thường: Vì Pháp thân không phải trước không nay có, hay trước có nay không, tuy hành trong ba đời nhưng không phải pháp của ba đời. Vì sao? Vì Pháp thân vốn đã có, không phải hiện tại mới có, vượt qua pháp ba đời nên gọi là thường.

Hỏi: Phật nói các kinh Đại thừa, hoàn toàn đều nói các pháp không như mây, như mộng, như huyễn. Vì phiền não có thể che chướng nên lấy mây làm thí dụ, vì tất cả nghiệp không chân thật nên lấy mộng làm thí dụ, vì là sự khởi tất cả năm ấm, quả báo, nghiệp phiền não nên lấy huyễn làm thí dụ. Trước đã nói kinh này hiển nghĩa này, nhưng vì sao lại nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh?

Đáp: Đã như ban đầu nói năm công đức trừ năm tội lỗi, vì nói có Phật tánh nên nói là có. Lại nữa, chín thứ thí dụ này vì để hiển bày Phật tánh có năm nghĩa phải biết:

1. Chân thật hữu.
2. Nói theo phương tiện thì có thể được thấy.
3. Đã được thấy rồi thì công đức vô cùng.
4. Vô sơ bất ứng tương ứng xác.

Giải thích: “Vô sơ (vô thỉ)”, là nghiệp phiền não báo đều là vô thỉ nên nói vô sơ. “Bất ứng (không xứng)”, là do ba pháp thỉ trên trái nghịch với Pháp thân, nên nói bất ứng. “Tương ứng”, là nói theo Pháp thân mà được khởi ba pháp này nên nói tương ứng. “Xác”, là ba pháp này có thể che giấu Pháp thân nên gọi là xác (màng bọc).

5. Vô sơ tương ứng tánh thiện làm pháp.

Giải thích: “Vô sơ”, là vì tánh đặc Bát-nhã, đại bi, thiên định, Pháp thân đều là vốn có, nên nói vô sơ thể dụng không hề lìa nhau nên nói tương ứng, gọi là vô sơ. “Tương ứng tánh thiện làm pháp”, là tự tánh của Pháp thân không có biến đổi, do Bát-nhã nên tánh có oai đức, do thiên định nên tánh có thể thấm nhuần, do đại bi nên xứng với tánh thiện làm pháp. Như vậy chín thí dụ giải thích nghĩa thứ nhất không có mé trước, mé sau đối khác trong sự phân ra có sáu thứ đã xong.

- b. Vô nhiễm tịnh đối khác:

Pháp thân không bị sinh tử, Ấm, Giới, Nhập... làm nhiễm ô, nên nói vô nhiễm; không phải điều được tạo tác của trí nên nói vô tịnh.

- c. Vô sinh đối khác:

Vì Pháp thân vô sinh nên không phải do khởi mà thành, vì không

phải do khởi mà thành nên chẳng phải mới có, không luận về đối khác.

d. Vô lão biến dị:

Vì Pháp thân vô động chuyển, không bị thay đổi, nên nói không có già.

e. Vô y trụ đối khác.

Nếu pháp có dựa có trụ, tức là có đối khác. Pháp thân không do các pháp khác nên vô y (không nương tựa), không có thực tại đích xác nên nói vô trụ.

f. Vô diệt đối khác:

Pháp thân thường trụ không thể phá hoại nên nói vô diệt đối khác, gọi là vô đối khác.

Sáu thứ nghĩa khác của sự phân ra đã nói xong. Lại nữa, hợp chung sáu nghĩa riêng này làm ba thứ:

1. Trước sau vắng lặng: Là không có mé trước và mé sau khác nhau.

2. Vô lưu: Tức là không có nhiễm và tịnh khác nhau.

3. Vô vi: Là không có bốn tướng sinh trụ diệt... nên không có đối khác, do đó tất cả pháp vọng tưởng có ba thứ đối khác: a. Quả báo tận nên đối khác. b. Đối trị sự phá nên đối khác. c. Sát-na niệm niệm diệt nên đối khác. Pháp thân thì không như thế, vì lìa ba lỗi nên: 1. Vì trước sau vắng lặng do đó không có quả báo tận đối khác. 2. Vì vô lưu nên không có đối trị phá đối khác. 3. Vì không phải pháp Hữu vi nên không có niệm niệm hoại đối khác, gọi là vô đối khác.

Phẩm thứ 10: KHÔNG SAI KHÁC

Lại nữa, phải biết nghĩa không sai khác. Không sai khác, là tánh Như lai này đã đến vị cực thanh tịnh. Nếu lược nói là trong giới vô lưu dựa theo tánh Như lai có bốn nghĩa, nhờ bốn nghĩa này mà lập bốn danh, dựa theo bốn nhân (người) để hiển bốn đức. Bốn nghĩa gồm: 1. Tất cả pháp Phật trước sau không lìa nhau. 2. Tất cả xứ đều như. 3. Không phải pháp vọng tưởng điên đảo. 4. Bản tánh vắng lặng.

Giải thích: “Tất cả pháp Phật trước sau không lìa nhau”, như kinh Thắng man nói: “Bạch Thế tôn! Như lai tàng không bỏ luống qua nhiều như số cát sông hằng công đức không lìa nhau, không bỏ trí, không thể tư duy công đức chư Phật. Biết Như lai tạng do công đức của Như lai nên bất không. Bất không, tức là nói chư Phật đầy đủ công đức. Tánh này “tất cả xứ đều như”, là tất cả pháp không có tự tánh. Như kinh Vô Thượng Y nói: “Tất cả chúng sanh có ấm giới nhập, là sự hiện chủng loại hơn kém trong ngoài, vô thời tiết lưu chuyển nối tiếp, là sự đặc sáng tỏ tốt cùng diệu thiện của pháp như thế. Vì nghĩa đó nên biết tất cả xứ đều như. “Không phải pháp vọng tưởng điên đảo”, như Kinh Giải Tiết nói: “Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý: Nay thiện nam! Tánh Như lai là chân thật đế. Nếu Như lai xuất thế hoặc không xuất thế thì tánh tướng thường như, không phải pháp vọng”. Do kinh này nên biết không có pháp vọng tưởng điên đảo gọi là chân thật đế. “Bản tánh vắng lặng”, như kinh Văn-thù-sư-lợi biến hành nói: “Phật bảo: Nay Văn-thù-sư-lợi! Bản tánh của chư Phật Như lai, tự Nhập Niết-bàn bất sinh bất diệt, vì nghĩa đó nên biết tự tánh xưa nay vắng lặng.

Lại nữa, lập bốn danh: 1. Do pháp Phật không lìa nhau nên gọi là Pháp thân. 2. Do tánh nhất thiết xứ như nên gọi là Như lai. 3. Do không luống dối điên đảo nên gọi là Chân thật đế. 4. Do xưa nay vắng lặng nên gọi là Nhập Niết-bàn. bốn nghĩa và bốn danh đó đối với tánh Như lai không sai khác nên gọi là tướng vô sai khác.

Lại nữa, Theo bốn người:

1. Chẳng phải cảnh giới của chúng sanh thân kiến. Vì chân tánh này là đối trị tà chấp, nên vì người thân kiến gọi là Pháp thân.

Hỏi: Thế nào là đối với người ấy gọi chân như là Pháp thân?

Đáp: Là sắc ấm... của các phàm phu đó không có tánh này, chỉ gượng chấp có ngã và có ngã sở, do hai chấp người pháp này làm nhiễm ô tâm đó. Thân kiến diệt xứ là giới cam-lộ, nếu không thể tin ưa thì làm sao có thể thông đạt pháp giới Như lai? Nếu thấy giới này thì thân kiến

chấp là diệt, tuy thân kiến đã dứt nhưng chưa trừ giới này, vì thường như thế, nên giới này mới gọi là chân thân. Sự chấp của phàm phu đã không phải chân thật nên không đồng thời tồn tại, không được gọi là thân, vì đối với thân kiến của người phàm phu như vậy mà gọi là thân.

2. Đối với người điên đảo mà gọi tên là Như lai: Người điên đảo, là người Nhị thừa. Như lai thường trụ phải tu phải hành, nhưng mà đảo trái với tu vô thường tướng... vì sao? Vì tu này nói theo cảnh luống dối mà khởi nên gọi là đảo tu. Lạc, ngã và tịnh cũng vậy, do đảo hành nên tất cả Nhị thừa không thể tiến tu đắc tướng xứng đạo quả với Như lai. Do đó chân như của Thường, Lạc... không phải cảnh giới của người Nhị thừa. Chân như này không giống như vô thường... vì đối trị thế gian, chân như này là Phi như, Trung hữu như, Vô phi như, cũng như hai thừa. Như là chữ như trong Phi như, Phi như trong Vô phi như.

Hỏi: Thế nào là như của người Nhị thừa này?

Đáp: Phông theo luống dối mà quán tướng tự của vô thường... làm chân như. Quán luống dối này chỉ có hữu trong nhân, quả địa thì không có, nên Chân như này hoặc thành hoặc hoại, thì trong nhân là thành, quả địa thì hoại. Như của Bồ-tát là lìa luống dối, dựa theo chân tánh để quán chân. Như vậy hai xứ như trong nhân quả không khác nhau, chỉ thành mà không hoại, nên như của người Nhị thừa đuổi theo định diệt mà chỉ đi không có đến. Như của Bồ-tát là nhân quả thường có, khứ lai không khác nhau, xả nhân đến quả, nên xứng với như khứ, từ quả phát xuất ứng dụng, nên gọi là Như lai, do đó Như lai không phải là cảnh giới của Nhị thừa, nên để đối trị Nhị thừa mà đặt tên Như lai.

3. Đối với người tâm tán động gọi là Chân đế. Chân như, là pháp không thêm không bớt. Người tâm tán động, là người mới thực hành Đại thừa Bồ-tát. Mê Như lai tạng có hai loại người: 1. Chỉ có tin diệt trừ các pháp, gọi đó là không. Khi chưa phân tích tất cả pháp thì gọi đó là hữu, nếu phân tích rồi thì gọi là không. 2. Cho rằng có pháp thật, gọi đó là không, nay ta phải tu phải đắc. Hai loại người này là mê Như lai tạng, hạng thứ nhất thì chấp vô nên mê, hạng thứ hai chấp hữu nên mê.

Hỏi: Như lai tạng theo lý là tướng gì?

Đáp: Như kệ nói:

*Không pháp nào tổn được,
Không pháp nào tăng được,
Phải thấy thật, như thật,
Thấy thật được giải thoát.
Do khách trần nên không,*

*Cùng pháp giới lia nhau,
Pháp vô thượng bất không,
Cùng pháp giới theo nhau.*

Tánh Như lai, là tự thanh tịnh. Năng nhiếp khách trần là tự tánh không, nên nói “Không pháp nào tổn được”. Chân như, và nhân của thanh tịnh không lia nhau. Nhân thanh tịnh nhiều hơn số cát sông hằng, bằng với trí bất xả không thể nghĩ duy, công đức của chư Phật hằng tương ứng, nên nói “Không pháp nào tăng được”. Nếu pháp vô nhân, thì vô nhân pháp này là quán chân như không, lấy pháp hữu khác mà quán như bất không, nên nói “Chân như cũng chẳng phải bất không”. Vì sao? Vì lia hai bên tăng giảm, chẳng có pháp nào có thể tổn nên là không, chẳng có pháp nào có thể tăng nên phi không. Nếu khởi quán như vậy thì gọi là quán chân thật, nên được xa lia hai bên tăng giảm mà làm Bồ-tát mới hành, vì chưa có thể thấy được lý của tạng này. Để đối trị loại người ấy nên nói Chân thật đế, từ Sơ địa đến mười địa là cảnh giới quán đối với lý này của loại người này. Thực Hành hạnh mười địa, do đó không phải quan hệ với cảnh giới mới hành.

4. Đối với Bồ-tát mười địa gọi là Niết-bàn. Chỉ một mình Phật có khả năng đắc Niết-bàn, ngoài ra các chư Bồ-tát cũng không thể đến được. Như kinh Thắng man nói: “Bạch Đức Thế tôn! Do đắc Niết-bàn. Thế tôn thành tựu Như lai A-la-ha Tam-miệu-tam-phật-đà đắc tất cả vô lượng công đức không thể nghĩ duy thanh tịnh rốt ráo của chư Phật, do đó bốn thứ công đức của Niết-bàn không có tương sai khác.

Lại nữa, bốn thứ công đức: 1. Nhất thiết công đức. 2. Vô lượng công đức. 3. Không thể nghĩ duy công đức. 4. Thanh tịnh rốt ráo công đức. Vì đắc Niết-bàn nên thành Như lai, do đó Như lai không có sai khác với Niết-bàn. Vì sao? Nếu lia Phật thì không đắc Niết-bàn, nếu lia Niết-bàn thì không đắc Phật.

Giải thích: Công đức:

1. Nhất thiết công đức: Tức là ở vị địa Bất động thứ tám, không phân biệt, không thất thoát, không trung gian, tự nhiên mà thành, vì Thánh đạo của Bồ-tát thường tương ứng. Tất cả công đức của chư Phật Như lai trong giới vô lưu đều được thành tựu.

2. Vô lượng công đức: Là vị của địa Thiện tuệ thứ chín, vô số thiên định và hiển môn Đà-la-ni, có thể gồm nhiếp chỗ nương của vô lượng công đức trí, nên vô lượng công đức đều được thành tựu.

3. Không thể nghĩ duy công đức: Tức là vị của địa Pháp vân thứ mười, là chỗ nương của pháp tạng bí mật nơi tất cả Như lai chứng kiến

sáng tỏ, nên không thể nghĩ duy, đều được thành tựu.

4. Thanh tịnh rốt ráo công đức: Là chướng nhất thiết trí của tất cả hoặc và tập khí đã dứt hết, do dứt hết trí chướng nên thanh tịnh rốt ráo, thành tựu Niết-bàn, cùng với bốn công đức này gồm nhiếp nhau không lìa nhau. Chỉ có Phật đắc Niết-bàn, những người khác thì chưa được. Do đó tánh Như lai đối với bốn nghĩa, bốn danh, bốn nhân và bốn đức này không có sai khác. Vì nhân duyên đó, mười tướng của tự tánh này vì để hiển ba nghĩa: 1. Hiển bốn hữu không thể nghĩ nghĩ cảnh giới (cảnh giới bất khả tư nghị vốn sẵn có). 2. Hiển y đạo lý tu tu hành khả đắc (y theo đạo lý tu mà tu hành có thể chứng đắc). 3. Hiển đắc dĩ năng linh vô lượng công đức tròn đầy (hiển đã đắc rồi có thể khiến cho vô lượng công đức tròn đầy), cho nên soạn luận này.

